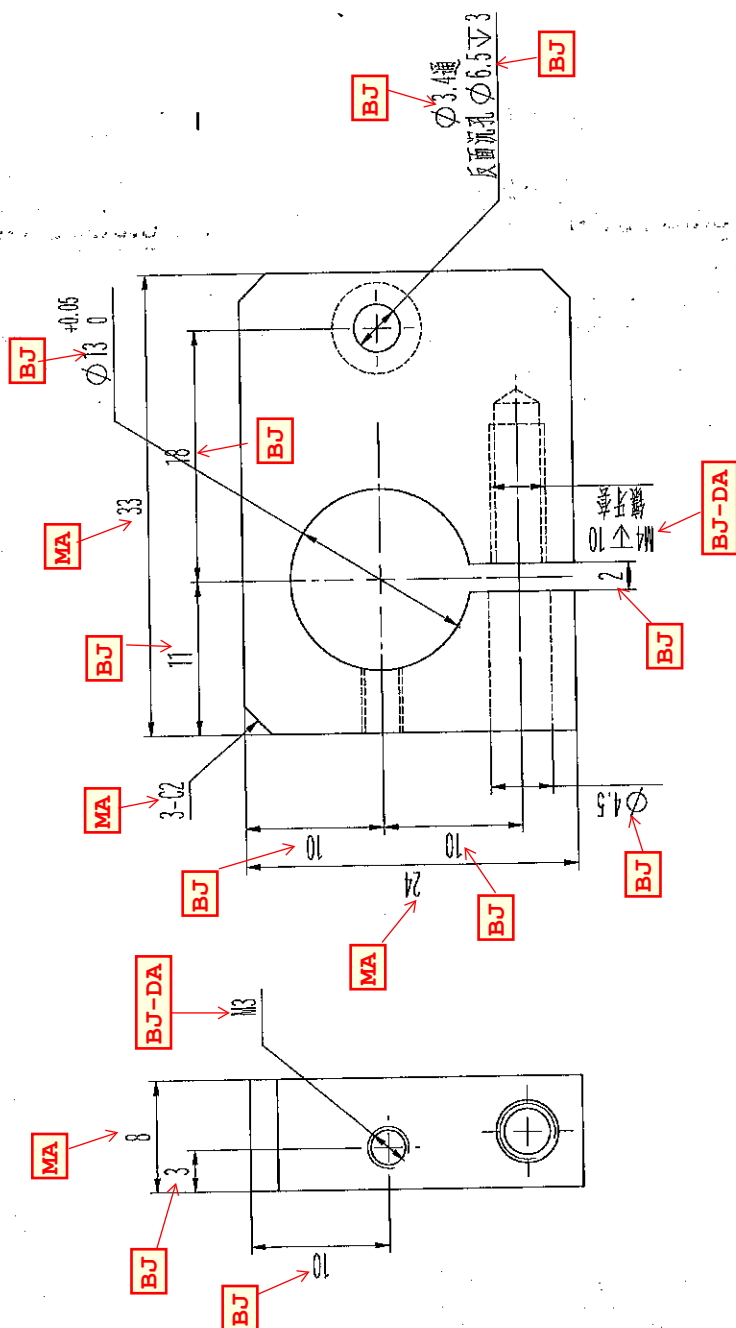


日期	修訂	記事	担当



注：鏡邊倒鈍。

R008972

1	感应器夹块		HMDP1100A-M-16-010B	2	POM	Φ13铁芯用
序号	零件名称	零件图番	数量	材料	备注	
设计	刘再芝	日期2014-07-03	组 件 名 称	设备或治具名称	代 表 机 种	
审核	承认	比例	检测机构	绝缘片组装机		
	表面处理	2:1				
	表面处理	热处理				
HONEST			第三角法投影	图番	HMDP1100A	Rev

SNO: **R008972**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: POM T10*30*38	AA:10 MA:15 BJ:30 DA:10